

Điều 25. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông .....	23
Điều 26. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 27. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 28. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 30. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....	31
Điều 31. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	32
Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	32
<b>MỤC 2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>	<b>33</b>
Điều 33. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị .....	33
Điều 34. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	34
Điều 35. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	36
Điều 36. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	38
Điều 37. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	39
Điều 38. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị .....	40
Điều 39. Người phụ trách quản trị công ty .....	44
<b>MỤC 3. BAN KIỂM SOÁT.....</b>	<b>45</b>
Điều 40. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	45
Điều 41. Kiểm soát viên.....	45
Điều 42. Ban kiểm soát.....	47
Điều 43. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát, tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên.....	49
Điều 44. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên .....	50
<b>MỤC 4. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP.....</b>	<b>51</b>
Điều 45. Tổ chức bộ máy quản lý.....	51
Điều 46. Người điều hành doanh nghiệp .....	51
Điều 47. Tổng giám đốc.....	51
Điều 48. Thư ký Công ty.....	53
<b>MỤC 5. NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>54</b>
Điều 49. Trách nhiệm cẩn trọng.....	54
Điều 50. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	54
Điều 51. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	56
<b>MỤC 6. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....</b>	<b>57</b>

Điều 52. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ .....	57
Điều 53. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.....	57
<b>MỤC 7. NGƯỜI LAO ĐỘNG, TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI KHÁC .....</b>	<b>58</b>
Điều 54. Người Lao động .....	58
Điều 55. Tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức xã hội - chính trị khác.....	58
<b>CHƯƠNG V: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....</b>	<b>58</b>
Điều 56. Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.....	58
Điều 57. Chi trả cổ tức .....	59
<b>CHƯƠNG VI: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN .....</b>	<b>60</b>
Điều 58. Tài khoản ngân hàng .....	60
Điều 59. Năm tài chính .....	60
Điều 60. Chế độ kế toán.....	60
<b>CHƯƠNG VII: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG .....</b>	<b>61</b>
Điều 61. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý .....	61
Điều 62. Báo cáo thường niên.....	61
Điều 63. Tổ chức công bố thông tin.....	61
<b>CHƯƠNG VIII: KIỂM TOÁN CÔNG TY .....</b>	<b>62</b>
Điều 64. Kiểm toán .....	62
<b>CHƯƠNG IX: CON DẤU .....</b>	<b>62</b>
Điều 65. Con dấu .....	62
<b>CHƯƠNG X: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....</b>	<b>63</b>
Điều 66. Chấm dứt hoạt động .....	63
Điều 67. Thanh lý.....	63
<b>CHƯƠNG XI: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ .....</b>	<b>64</b>
Điều 68. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....	64
<b>CHƯƠNG XII: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ .....</b>	<b>64</b>
Điều 69. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	64
<b>CHƯƠNG XIII: HIỆU LỰC.....</b>	<b>65</b>
Điều 70. Ngày hiệu lực .....	65

*Quinn*

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này là Điều lệ duy nhất và chính thức của Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad.

### CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:

a. "**Cổ đông**" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

b. "**Cổ đông lớn**" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;

c. "**Cổ phần đã bán**" là số cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đủ cho Công ty. Tại thời điểm đăng ký thành lập Công ty, cổ phần đã bán là tổng số cổ phần các loại đã được đăng ký mua;

d. "**Cổ phần được quyền chào bán**" là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán để huy động vốn. Số cổ phần được quyền chào bán của Công ty tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp là tổng số cổ phần các loại mà Công ty sẽ bán để huy động vốn, bao gồm cổ phần đã được đăng ký mua và cổ phần chưa được đăng ký mua;

e. "**Cổ phần chưa bán**" là cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán. Tại thời điểm đăng ký thành lập Công ty, cổ phần chưa bán là tổng số cổ phần mà chưa được các cổ đông đăng ký mua;

f. "**Cổ tức**" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính;

g. "**Công ty**" là Công ty Cổ phần Công ty cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad;

h. "**Luật Doanh nghiệp**" là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 có hiệu lực thi hành từ 01 tháng 07 năm 2016 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

i. "**Luật Chứng khoán**" là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;

j. "**Ngày thành lập**" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

k. "**Người điều hành doanh nghiệp**" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các vị trí Giám đốc quản lý và Giám đốc kinh doanh trong Công ty;

l. "**Người quản lý Công ty/Người quản lý**" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

m. "**Người có liên quan**" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;

n. "**Thời hạn hoạt động**" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;

o. "**Thành viên hội đồng quản trị không điều hành**" là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

p. "**Thành viên Hội đồng quản trị độc lập**" là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:

(i) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

(ii) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

(iii) Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của công ty;

(iv) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

(v) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

q. "**Pháp luật**" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2015;

r. "**Vốn điều lệ**" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập Công ty và quy định tại Điều 7 Điều lệ này;

s. "**Việt Nam**" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.

3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

4. Khi được sử dụng trong Điều lệ này, tùy từng ngữ cảnh, từ “người” được hiểu là cá nhân và/hoặc tổ chức.

5. Trừ khi được quy định rõ ràng khác đi trong Điều lệ này, các từ hoặc thuật ngữ được dùng trong Điều lệ này sẽ có nghĩa như được quy định trong Luật Doanh nghiệp.

## **Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO VÀ HỘI CHỢ THƯƠNG MẠI VINEXAD**
- Tên tiếng Anh: **VINEXAD NATIONAL TRADE FAIR AND ADVERTISING JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **VINEXAD**

2. Hình thức:

Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

Địa chỉ : Số 9 Đinh Lễ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại : (84-24) 38255546 (100)

Fax : (84-24) 38255546

E-mail : [info@vinexad.com.vn](mailto:info@vinexad.com.vn)

Website : <http://www.vinexad.com.vn>

4. Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Địa chỉ : Phòng 1202 lầu 12 toà nhà IndoChina Park Tower, Số 4 Nguyễn Đình Chiểu Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-28) 3824 3553

Fax : (84-28) 3829 5749

E-mail : [saigon@vinexad.com.vn](mailto:saigon@vinexad.com.vn)

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh trong nước và nước ngoài để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi Pháp luật cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 59 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.



### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

1. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của công ty. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Tổng giám đốc công ty đến ngày 31 tháng 07 năm 2020 trừ trường hợp pháp luật và quy định của Nhà nước có điều chỉnh khác.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tuân theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ này.

## **CHƯƠNG II: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:
  - Quảng cáo và Hội chợ triển lãm thương mại;
  - Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
  - Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ, thiết bị máy văn phòng, hàng điện tử, nông sản thực phẩm, tư vấn và thiết kế thi công mỹ thuật (không bao gồm thiết kế công trình);
  - Kinh doanh hàng dệt may, sản phẩm mỹ thuật;
  - Dịch vụ in ấn;
  - Dịch vụ tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo, hợp tác đầu tư, xúc tiến thương mại;
  - Xuất khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

2. Mục tiêu của Công ty là:

Hoạt động trong các lĩnh vực được quy định tại Khoản 1 Điều này trên đây nhằm đảm bảo phát triển bền vững, nâng cao tính cạnh tranh và uy tín của Công ty; mang lại lợi nhuận cho các cổ đông; bảo toàn và phát triển vốn góp của các cổ đông; tạo việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động; đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế - xã hội.

3. Nếu thay đổi bất kỳ lĩnh vực kinh doanh hoặc mục tiêu nào nêu trên cần phải có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Công ty sẽ thực hiện lĩnh vực kinh doanh hoặc mục tiêu đó sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi cho Công ty.



## **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Công ty**

### **1. Quyền của Công ty:**

- a. Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- b. Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh;
- c. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn;
- d. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng;
- e. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu;
- f. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh;
- g. Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh;
- h. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp;
- i. Từ chối yêu cầu cung cấp nguồn lực không theo quy định của Pháp luật;
- j. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;
- k. Tham gia tố tụng theo quy định của Pháp luật;
- l. Quyền khác theo quy định của Pháp luật.

### **2. Nghĩa vụ của Công ty:**

- a. Đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh;
- b. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của Pháp luật về kế toán, thống kê;
- c. Khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật;
- d. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; không được phân biệt đối xử và xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không được sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của Pháp luật;
- e. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ theo tiêu chuẩn do Pháp luật quy định hoặc tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố;

- f. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động, báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật;
- g. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó;
- h. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bình đẳng giới, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử-văn hóa và danh lam thắng cảnh;
- i. Thực hiện nghĩa vụ về đạo đức kinh doanh để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và người tiêu dùng.
- j. Trường hợp công ty thay đổi mô hình hoạt động, công ty đại chúng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi mô hình.

### **CHƯƠNG III: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN**

#### **Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần**

##### **1. Vốn điều lệ**

- a. Vào ngày thông qua Điều lệ này, tất cả các cổ phần do Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông.
- b. Vào ngày thông qua Điều lệ này, Vốn Điều lệ của Công ty là 12.249.480.000 đồng (Mười hai tỷ hai trăm bốn chín triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng). Vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 1.224.948 cổ phần (Một triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm bốn tám cổ phần) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (Mười ngàn đồng/cổ phần).
- c. Vốn điều lệ của Công ty do các cổ đông tự nguyện đóng bằng tiền hợp pháp của mình.

##### **2. Tăng, giảm vốn điều lệ**

Công ty có thể tăng, giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của Pháp luật.

**3.** Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật.

**4.** Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều



kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

5. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

6. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và phù hợp với quy định của Pháp luật.

### **Điều 8. Cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty đó. Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu ghi danh. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
- Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
- Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;
- Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.

3. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.

Đề nghị của Cổ đông phải có các nội dung sau đây:

- a. Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy;
- b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.



Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.

5. Công ty tại từng thời điểm có thể thay đổi hình thức ghi nhận quyền sở hữu cổ phần của Cổ đông phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 9. Sổ đăng ký cổ đông**

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

### **Điều 10. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) (nếu có) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

### **Điều 11. Chào bán cổ phần**

1. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

- a. Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;
- b. Chào bán ra công chúng;
- c. Chào bán cổ phần riêng lẻ.



3. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ theo đúng thời hạn quy định của Pháp luật, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.
4. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
  - a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
  - b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
  - c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông;
  - d. Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Đại hội đồng cổ đông quy định.

#### **Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Pháp luật có quy định khác. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.
3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty.
4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.
6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại Khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.
8. Phí chuyển nhượng cổ phần: Cổ đông thực hiện chuyển nhượng cổ phần có trách

nhiệm nộp phí chuyển nhượng cổ phần theo mức phí quy định tại từng thời điểm.

### **Điều 13. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu Cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo lãi suất huy động trả lãi sau kỳ hạn (12) tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam quy định vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

### **Điều 14. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông**

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định của Công ty tại từng thời điểm trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì Cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định

cuối cùng.

### **Điều 15. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty**

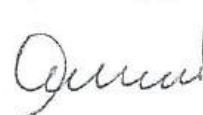
Công ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này;
3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả Cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để Cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty;

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

### **Điều 16. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại**

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 1 của Điều lệ này. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại theo đúng thời hạn quy định của Pháp luật, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám



đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với Công ty.

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn mười phần trăm (10%) thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

#### **Điều 17. Phát hành trái phiếu**

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
2. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

### **CHƯƠNG IV: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

#### **Điều 18. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Tổng giám đốc;
4. Ban kiểm soát.

#### **MỤC 1. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 19. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
  - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
  - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
  - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà

họ sở hữu;

- e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của Pháp luật;
- h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Pháp luật;
- i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

**3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười (10%) tổng số cổ phần trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:**

- a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2, Điều 33 và Khoản 4, Điều 41 của Điều lệ này;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 4 Điều này;
- c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích lục danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội cổ đông;
- d. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
- e. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- f. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.

**4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:**

- a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;



- b. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
- c. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
5. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại Điểm a, Khoản 3 Điều này được thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
6. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

## **Điều 20. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các văn bản nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.





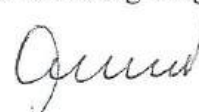
6. Chịu trách nhiệm về những khoản nợ và nghĩa vụ của Công ty trong phạm vi vốn góp của mình.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a. Vi phạm pháp luật;
  - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

### **Điều 21. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị có thể gia hạn thời hạn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Pháp luật. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.

Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
  - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên của Pháp luật qui định hoặc ít hơn một nửa số thành viên qui định trong Điều lệ này;
  - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3, Điều 19 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông yêu cầu (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
  - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng



các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Người điều hành doanh nghiệp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 49 và Điều 50 của Điều lệ này;

- f. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
4. Thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
    - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp Cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu nêu tại Mục 3.d hoặc Mục 3.e trên đây;
    - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty;
    - c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này;
    - d. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty;
    - e. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp, những Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông có yêu cầu nêu tại Mục 3.d của Điều này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp 2014;
    - f. Tất cả các chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

#### **Điều 22. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
  - a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
  - b. Báo cáo tài chính hàng năm;
  - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
  - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
  - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
  - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - g. Có vấn đề khác thuộc thẩm quyền.



2. Đại hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:

- a. Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm;
- b. Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó với điều kiện là mức cổ tức này không có hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến của Cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông;
- c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị trong giới hạn mà Pháp luật và Điều lệ này cho phép;
- d. Lựa chọn Công ty kiểm toán;
- e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;
- h. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- i. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
- j. Việc chuyển nhượng cổ phần của Cổ đông sáng lập trong vòng ba (3) năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập theo quy định của Pháp luật;
- k. Sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- l. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- m. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;
- n. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- o. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và tài chính hàng năm có giá trị từ vượt quá 30% giá trị theo kế hoạch;
- p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q. Việc Tổng Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- r. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- s. Kết quả định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền có giá trị từ 30% (ba mươi phần trăm) trở lên liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của

Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ và các tài sản khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

- t. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua:
  - a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 1 Điều 22 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
  - b. Việc mua cổ phần của Cổ đông hoặc của người có liên quan tới Cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
4. Đại hội đồng Cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

**Điều 23. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông và Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Các Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự theo quy định của pháp luật; Đại diện được uỷ quyền không nhất thiết phải là Cổ đông.
2. Việc chỉ định đại diện được uỷ quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung hoặc theo mẫu khác mà Hội đồng quản trị chấp thuận và
  - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;
  - b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;
  - c. Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;
  - d. Trường hợp tổ chức là cổ đông công ty cổ phần có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể uỷ quyền tối đa 03 người đại diện;
  - e. Trường hợp chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty là tổ chức cử nhiều người đại diện theo uỷ quyền thì phải xác định cụ thể phần vốn góp, số cổ phần, cho mỗi người đại diện. Trường hợp chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo uỷ quyền, phần vốn góp, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo uỷ quyền.
3. Trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác đi, lá phiếu bầu của đại diện được uỷ quyền trong phạm vi được uỷ quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi Cổ đông chỉ định đại diện uỷ quyền đó đã:

- a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
- c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

#### **Điều 24. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.
2. Số lượng đại biểu cần thiết để tổ chức một cuộc họp như vậy ít nhất là hai Cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) nắm giữ ít nhất một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành (nhưng tại cuộc họp không có đủ số đại biểu như trên thì cuộc họp sẽ được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và bất kỳ một người nào nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu). Cũng tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, bất kỳ người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện theo các quy định phù hợp tại Điều 26 và Điều 28 ngoại trừ các quy định về tỷ lệ biểu quyết và số người tham dự tối thiểu quy định tại Mục 1 và 2 nêu trên.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

#### **Điều 25. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp theo các trường hợp quy định tại Điểm c và Điểm e, Khoản 4, Điều 21 của Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
  - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên,

địa chỉ thường trú, Quốc tịch, Số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

- b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này;
- h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

### 3. Mời họp Đại hội đồng cổ đông.

- a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm ngày (15) ngày trước ngày khai mạc Đại hội (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
- b. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty.
- c. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
  - (i) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
  - (ii) Phiếu biểu quyết;
  - (iii) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

4. Công ty sẽ đăng tải các tài liệu liên quan trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo mời họp sẽ ghi rõ địa chỉ trang thông tin điện tử của Công ty, cách thức tải tài liệu để cổ đông truy cập khai thác, sử dụng. Công ty chỉ gửi trực tiếp tài liệu nếu cổ đông có yêu cầu; Tài liệu bản giấy đầy đủ sẽ được cung cấp cho cổ đông tại bàn Đăng ký cổ đông tại Đại hội.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3, Điều 19 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải

được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 nêu trên trong các trường hợp sau:

- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất mười (10%) cổ phần trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3, Điều 19 của Điều lệ này;
- c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; Kiến nghị chính thức được bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

#### **Điều 26. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai và trong trường hợp này cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 27. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông dự họp và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
  - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - b. Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
  - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
5. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;
7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:



- a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
  - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- 8.** Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được cho là thích hợp để:
- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
  - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp.
  - d. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
- 9.** Trong trường hợp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm cuộc họp có thể:
- a. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
  - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của cuộc họp có thể đồng thời tham dự cuộc họp;

Thông báo về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

**10.** Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
- d. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

**11.** Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 10 nêu trên, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự

họp đề thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; Tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ở địa điểm chính của cuộc họp.

13. Hằng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

### **Điều 28. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

a. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

b. Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

(i) Thay đổi, sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;

(ii) Định hướng phát triển Công ty.

(iii) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

(iv) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bỏ nhiệm Tổng giám đốc;

(v) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty được kiểm toán.

(vi) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

(vii) Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Điều kiện để nghị quyết được thông qua:

a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

(i) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

(ii) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

(iii) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

(iv) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- (v) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
  - (vi) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- b. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất năm mươi một (51%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Điểm a và Điểm c, Khoản này.
- c. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.
3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

**Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười lăm ngày (15) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 25 của Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Khoản 3 của Điều này;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Mục đích lấy ý kiến;

- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;


8. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 30. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;



- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Chủ tọa và thư ký chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và phải được gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

### **Điều 31. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 32 dưới đây, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

### **Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 19 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
  - a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Điều 31 của Điều lệ này.
  - b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
2. Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại

cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

## MỤC 2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Điều 33. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sau (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của công ty. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy



định của pháp luật.

**Điều 34. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có tối thiểu là năm (05) thành viên, tối đa là mười một (11) thành viên, số lượng thành viên Hội đồng quản trị mỗi nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Cơ cấu Hội đồng Quản trị phải cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành, tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của Thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế Thành viên bị mất tư cách Thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b. Là: (1) Cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất năm (05%) tổng số cổ phần phổ thông hoặc (2) Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông pháp nhân sở hữu năm (05%) tổng số cổ phần hoặc (3) Người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c. Thành viên hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên hội đồng quản trị công ty khác nhưng không cùng ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh của Công ty trừ trường hợp được Công ty cử làm đại diện; Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá năm (05) công ty khác kể từ 1/8/2019.
- d. Bản thân thành viên HĐQT hoặc người có liên quan của bản thân (Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu) không tham gia góp vốn, góp cổ phần chi phối vào các công ty, doanh nghiệp kinh doanh cùng ngành nghề chính của Công ty trừ trường hợp được Công ty cử làm đại diện.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 3 Điều này;
- b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được





chấp thuận;

- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
  - d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị trừ trường hợp bất khả kháng và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;
  - e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
4. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.
5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **Điều 35. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan điều hành Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các vị trí Giám đốc quản lý và Giám đốc kinh doanh trong Công ty.
3. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
  - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - c. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - d. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - e. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;



- f. Quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười (12) tháng;
  - g. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật;
  - h. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - i. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ các hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 50 của Điều lệ này;
  - j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; ký hợp đồng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, quyết định mức lương, thưởng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
  - k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Người điều hành khác công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
  - l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - m. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;
  - n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
  - o. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
  - p. Kiến nghị mức cổ tức được trả; Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - q. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;
  - r. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
  - s. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành doanh nghiệp đó;
  - t. Hàng năm, Hội đồng quản trị yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị độc lập có báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- a. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 nêu trên và trừ trường hợp quy định tại Khoản 4, Điều 50 của Điều lệ này phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);
  - b. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
  - c. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh vượt quá mười phần trăm (10%) giá trị kế hoạch kinh doanh hàng năm;
  - d. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ và các tài sản khác theo quy định của Pháp luật;
  - e. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những Người điều hành doanh nghiệp trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
6. Trừ khi pháp luật quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các Người điều hành doanh nghiệp đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

### **Điều 36. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao, tiền lương cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao, tiền lương cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao, tiền lương này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, tiền lương, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị và không tính đến việc chức vụ đó có được nắm giữ trong một khuôn khổ mang tính chất điều hành hay không) hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo

Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao, tiền lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

5. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một (01) năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

#### **Điều 37. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của Công ty đến ngày 31 tháng 07 năm 2020 trừ trường hợp pháp luật và quy định của Nhà nước có điều chỉnh khác.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
- f. Có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức



Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

### **Điều 38. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ và có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
  - a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người điều hành doanh nghiệp khác;
  - b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
  - c. Ban kiểm soát.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; Người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc

và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng buro điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

9. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

10. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

11. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 12 Điều này;
- c. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

12. Thành viên hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên hội đồng quản trị chấp thuận.

13. Biểu quyết.

- a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Theo quy định tại Điểm d Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết



bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 4, Điều 45 của Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

14. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

15. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

16. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc

họp;

- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

18. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lưu giữ tại trụ sở Công ty.

19. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

20. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

### **Điều 39. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.





3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

### MỤC 3. BAN KIỂM SOÁT

#### **Điều 40. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên**

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 33 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

#### **Điều 41. Kiểm soát viên**

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty không ít hơn ba (03) người và không nhiều hơn năm (05) người.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
  - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;



b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các vị trí Giám đốc quản lý và Giám đốc kinh doanh trong Công ty. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên và phải làm việc chuyên trách tại công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các Người điều hành doanh nghiệp khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sau (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

5. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

6. Các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

7. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật;
- b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp;
- c. Không phải là Người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;



8. Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
  - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 7 Điều này;
  - b. Người đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên;
  - c. Người đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;
  - d. Người đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
  - e. Người đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát trừ trường hợp bất khả kháng và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
  - f. Người đó bị cách chức Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 42. Ban kiểm soát**

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
  - a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành Công ty, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
  - b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
  - c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
  - d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
  - e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3, Điều 19 của Điều lệ này.
  - f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3, Điều 19 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc,

- kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.
- g. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại Khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
  - h. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
  - i. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, và người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm pháp luật hoặc vi phạm quy định của Điều lệ công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
  - j. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
  - k. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
  - l. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;
  - m. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
  - n. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
  - o. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
  - p. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;
  - q. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
  - r. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của Pháp luật.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài

chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.

4. Mức thù lao, tiền lương của các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

#### **Điều 43. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát, tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên**

##### **1. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

- a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- b. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.
- c. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- d. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
- e. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

##### **2. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên**

- a. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
  - b. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Thù lao, tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

#### **Điều 44. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Công ty và Pháp luật.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; Yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

### **MỤC 4. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP**

#### **Điều 45. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải bảo đảm bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, một Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh này phải được thực hiện bằng quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

#### **Điều 46. Người điều hành doanh nghiệp**

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng Người điều hành doanh nghiệp cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người điều hành doanh nghiệp phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những Người điều hành doanh nghiệp do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.
3. Tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

#### **Điều 47. Tổng giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; Ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.
3. Tổng giám đốc phải đảm bảo các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
  - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.
4. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
  - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công



- ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.
- c. Kiến nghị số lượng và các loại Người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người điều hành doanh nghiệp;
  - d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
  - e. Trước ngày 30/11 năm trước, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
  - f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
  - g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
  - h. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
  - i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - j. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
  - k. Tuyển dụng lao động;
  - l. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
  - m. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.
5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
6. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.



#### **Điều 48. Thư ký Công ty**

Hội đồng quản trị chỉ định một (01) người hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; tham dự các cuộc họp quy định tại Khoản 1 Điều này; Ghi chép các biên bản họp; đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
3. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
4. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
5. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
6. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
7. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
8. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Công ty và Pháp luật.
9. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **MỤC 5. NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP**

#### **Điều 49. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp có trách nhiệm sau đây:

1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và quy định của Pháp luật;
2. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
3. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có



liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.

4. Thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

#### **Điều 50. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

4. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận: Công ty giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:

- (i) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười (10%) tổng số cổ phần của Công ty và những người có liên quan của họ;
- (ii) Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, các người quản lý khác và người có liên quan của họ;
- (iii) Doanh nghiệp liên quan Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp, bao gồm:

- Doanh nghiệp mà những người này sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
- Doanh nghiệp mà những người có liên quan của những người này cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;

Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

- b. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch tại điểm a khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại điểm b, c Khoản 4 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; Người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

#### **Điều 51. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo

ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
  - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## MỤC 6. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

### Điều 52. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 3, Điều 18 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị. Các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh

doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

**Điều 53. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc**

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một (01%) số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn sáu (06) tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây:

- a. Vi phạm nghĩa vụ Người điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Điều 44 của Điều lệ này;
- b. Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- c. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
- d. Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- e. Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty sẽ tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

**MỤC 7. NGƯỜI LAO ĐỘNG, TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI KHÁC**

**Điều 54. Người Lao động**

1. Tổng giám đốc sẽ phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua chính sách tuyển dụng, buộc thôi việc và tiền lương đối với Cán bộ quản lý và người lao động.

2. Chế độ và quyền lợi của người lao động:

- a. Được trả lương, trả thưởng của người lao động trên cơ sở năng suất, hiệu quả công tác theo quy chế của Công ty và tuân theo các quy định của pháp luật.
- b. Được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác theo quy định của pháp luật.



## **Điều 55. Tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức xã hội - chính trị khác**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức đó.
2. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình và phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty.

## **CHƯƠNG V: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 56. Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ**

1. Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (lợi nhuận ròng) để lập các quỹ, việc lập và tỷ lệ trích các quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản trị, tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.
2. Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông:
  - a. Phương án phân phối lợi nhuận trong năm tài chính và Kế hoạch lợi nhuận, phân phối lợi nhuận việc trích lập các quỹ năm tài chính tiếp theo;
  - b. Phương án, mục đích sử dụng các loại quỹ được trích theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này và hoạt động của Công ty.

### **Điều 57. Chi trả cổ tức**

1. Cổ tức được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
  - a. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
  - b. Đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và theo quy định của Công ty;
  - c. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
2. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông.
3. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi

tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng (Bên nhận cổ tức chịu chi phí chuyển tiền).

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

- a. Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của công ty;
  - b. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;
  - c. Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
  - d. Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
  - e. Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
  - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

## **CHƯƠNG VI: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

### **Điều 58. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

### **Điều 59. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 năm đó.

### **Điều 60. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán theo quy định Pháp luật kế toán. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

## **CHƯƠNG VII: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

### **Điều 61. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của Pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 64 của Điều lệ này, báo tài chính phải được nộp cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu (06) tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (trong trường hợp cổ phiếu niêm yết hoặc đăng ký giao dịch) và nộp cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.
4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.



## **Điều 62. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **Điều 63. Tổ chức công bố thông tin**

1. Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều 134 Luật doanh nghiệp. Trong trường hợp công ty thay đổi mô hình hoạt động, công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi mô hình.

2. Công ty xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

3. Công ty bổ nhiệm có ít nhất một nhân viên công bố thông tin. Nhân viên công bố thông tin của công ty đại chúng có trách nhiệm sau:

a) Công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.

## **CHƯƠNG VIII: KIỂM TOÁN CÔNG TY**

### **Điều 64. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng bảy mươi lăm (75) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

## CHƯƠNG IX: CON DẤU

### Điều 65. Con dấu

1. Hội đồng Quản trị quyết định số lượng, hình thức, nội dung, mẫu con dấu, việc quản lý và sử dụng con dấu của Công ty đảm bảo phù hợp quy định của Pháp luật. Quyết định về con dấu phải bao gồm các nội dung sau:

- a. Mẫu con dấu, gồm: Hình thức, kích cỡ, nội dung, màu mực dấu.
- b. Số lượng con dấu.
- c. Quy định về quản lý và sử dụng con dấu.

2. Trước khi sử dụng, Công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

## CHƯƠNG X: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

### Điều 66. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của Pháp luật hiện hành;
- b. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### Điều 67. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số người lao động trong Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành



chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho người lao động;
- c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Điểm a đến e trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

## **CHƯƠNG XI: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 68. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay Người điều hành doanh nghiệp.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết tranh chấp.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## CHƯƠNG XII: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

### Điều 69. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc thay đổi, bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ này; hoặc mâu thuẫn với những điều khoản trong Điều lệ này; hoặc những quy định mới ban hành của Pháp luật theo hướng có lợi cho Công ty thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## CHƯƠNG XIII: HIỆU LỰC

### Điều 70. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm mười ba (13) chương, bảy mươi điều (70) điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua ngày 30 tháng 3 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 3 năm 2018.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



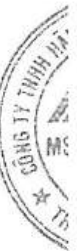
Nguyễn Khắc Luận

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO VÀ HỘI CHỢ THƯƠNG MẠI  
VINEXAD

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)



## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán	06 - 26
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 26

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103010028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ sáu số 0100108007 ngày 17 tháng 9 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 9 Đinh Lễ, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Phạm Quỳnh Giang	Chủ tịch
Ông: Nguyễn Khắc Luận	Phó chủ tịch
Ông: Đinh Văn Khải	Thành viên
Ông: Trịnh Xuân Tuấn	Thành viên
Bà: Nguyễn Thu Hồng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Nguyễn Khắc Luận	Tổng Giám đốc
Ông: Đinh Văn Khải	Phó Tổng Giám đốc
Bà: Nguyễn Thu Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Phạm Đăng Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Bà: Nguyễn Tuyết Mai	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Vũ Đăng Khoa	Trưởng ban
Bà: Huỳnh Thị Thúy Nga	Thành viên
Bà: Huỳnh Thị Ngọc Châu	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính tổng hợp cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không còn sai sót trọng yếu do gian lận
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Nguyễn Khắc Luận**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2023





Số: 17/2023/ASCO

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad**

### Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính tổng hợp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad được lập ngày 15 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số 25 Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đang ghi nhận thu nhập từ khoản người mua trả tiền trước số tiền 1.589.097.600 VND phát sinh từ năm 2019, đến thời điểm thực hiện xử lý khoản nợ này Công ty không thể xác định được chủ nợ của khoản công nợ này. Vấn đề này không ảnh hưởng đến ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 22 tháng 02 năm 2022.

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO**



**Phạm Ngọc Quân**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 4493-2019-149-1

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2023

**Phan Đình Dũng**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 4887-2019-149-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>65.017.462.014</b>	<b>45.795.636.302</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	14.912.249.593	7.501.630.090
111	1. Tiền		14.912.249.593	7.501.630.090
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	39.000.000.000	25.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		39.000.000.000	25.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.488.395.969	4.145.628.603
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	2.004.305.213	883.001.780
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	322.675.666	1.679.410.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	08	2.161.415.090	1.583.216.823
140	IV. Hàng tồn kho	09	6.346.596.159	9.090.146.987
141	1. Hàng tồn kho		6.346.596.159	9.090.146.987
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		270.220.293	58.230.622
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	63.453.454	18.816.000
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	206.766.839	39.414.622
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>4.929.160.798</b>	<b>5.612.377.423</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		350.000.000	350.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	08	350.000.000	350.000.000
220	II. Tài sản cố định		4.527.404.586	5.251.502.423
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	4.513.904.586	5.227.202.423
222	- Nguyên giá		15.318.836.379	15.318.836.379
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.804.931.793)	(10.091.633.956)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	13.500.000	24.300.000
228	- Nguyên giá		54.000.000	54.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(40.500.000)	(29.700.000)
260	III. Tài sản dài hạn khác		51.756.212	10.875.000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	51.756.212	10.875.000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>69.946.622.812</b>	<b>51.408.013.725</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>28.478.859.593</b>	<b>23.393.357.030</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>28.478.859.593</b>	<b>23.393.357.030</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	379.225.855	300.920.982
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	9.047.276.385	7.539.733.840
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	3.853.197.386	407.256.008
314	4. Phải trả người lao động		636.000.000	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		55.000.000	55.000.000
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	262.478.171	568.021.137
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	6.505.495.329	6.806.884.451
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		22.640.000	22.640.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		7.717.546.467	7.692.900.612
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>41.467.763.219</b>	<b>28.014.656.695</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	18	<b>41.467.763.219</b>	<b>28.014.656.695</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		12.249.480.000	12.249.480.000
411a	<i>Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>12.249.480.000</i>	<i>12.249.480.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		520.000	520.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		14.222.720.689	14.222.720.689
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		14.995.042.530	1.541.936.006
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>54.226.041</i>	<i>54.226.041</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>14.940.816.489</i>	<i>1.487.709.965</i>
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>69.946.622.812</b>	<b>51.408.013.725</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Bùi Thu Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Tuyết Mai

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Luận

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	141.933.363.368	22.557.205.616
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		141.933.363.368	22.557.205.616
11	4. Giá vốn hàng bán	21	111.812.736.540	15.823.486.362
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		30.120.626.828	6.733.719.254
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	1.633.682.542	948.708.736
22	7. Chi phí tài chính	23	-	126.505.549
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	14.657.184.512	6.287.819.086
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.097.124.858	1.268.103.355
31	11. Thu nhập khác	25	1.743.361.174	618.803.996
32	12. Chi phí khác	26	238.100.522	399.921
40	13. Lợi nhuận khác		1.505.260.652	618.404.075
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.602.385.510	1.886.507.430
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	3.431.956.442	392.145.822
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		15.170.429.068	1.494.361.608
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	12.385	1.005
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	28	12.385	1.005

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Thu Huyền

Nguyễn Tuyết Mai

Nguyễn Khắc Luận

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		18.602.385.510	1.886.507.430
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(909.584.705)	(45.052.813)
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		724.097.837	758.657.228
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(230.727.159)	126.505.549
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.402.955.383)	(930.215.590)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		17.692.800.805	1.841.454.617
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		83.880.417	(655.408.448)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.743.550.828	169.495.029
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		3.028.900.266	(6.507.028.932)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(85.518.666)	15.309.000
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.688.244.616)	(324.440.577)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		58.632.037	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(238.116.110)	(1.025.495.348)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		21.595.884.961	(6.486.114.659)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(74.740.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(43.000.000.000)	(3.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		29.000.000.000	3.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		808.955.383	983.065.590
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(13.191.044.617)	908.325.590

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.224.948.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.224.948.000)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		7.179.892.344	(5.577.789.069)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		7.501.630.090	13.205.924.708
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		230.727.159	(126.505.549)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>14.912.249.593</u>	<u>7.501.630.090</u>

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Thu Huyền

Nguyễn Tuyết Mai

Nguyễn Khắc Luận

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103010028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ sáu số 0100108007 ngày 17 tháng 9 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 9 Đinh Lễ, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 12.249.480.000 đồng; tương đương 1.224.948 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

- Tổ chức hội chợ - triển lãm hội nghị và các sự kiện hàng đầu Việt Nam;
- Xây dựng, thực hiện chương trình quảng cáo trên mọi hình thức;
- Truyền thông - PR - Marketing;
- Bất động sản và văn phòng cho thuê.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá);
- Tổ chức giới thiệu, xúc tiến thương mại, chi tiết: Hội trợ triển lãm thương mại; dịch vụ tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo và hợp tác đầu tư; xúc tiến thương mại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thực chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà ở, văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

- Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau: Địa chỉ

Chi nhánh Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad 1202 tầng 12 tòa nhà Đông Dương, số 4 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính

Tổ chức hội chợ - triển lãm hội nghị và các sự kiện; Quảng cáo.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



## 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## 2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại Chi nhánh Công ty và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

## 2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## 2.5. Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

## 2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

## 2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.11. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chỉ trả và các khoản phải trả khác như: Tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

### 2.13. Doanh thu

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu cho thuê hoạt động*

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 2.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

### 2.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

### 2.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	807.347.182	450.644.357
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.104.902.411	7.050.985.733
	<b>14.912.249.593</b>	<b>7.501.630.090</b>

### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	39.000.000.000	-	25.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	39.000.000.000	-	25.000.000.000	-
	<b>39.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>-</b>

(i) Là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng với lãi suất từ 4,9% đến 8,1%.

### 5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Khách hàng hội chợ Điện tử & thiết bị thông Minh	1.380.436.947	-	-	-
- Khách hàng thuê văn phòng	25.624.400	-	93.534.400	-
- Khách hàng thuê biển Quảng cáo	31.320.000	-	144.130.600	-
- Khách hàng triển lãm Sức khỏe	-	-	142.000.000	-
- Khách hàng triển lãm xe đạp thể thao	29.827.006	-	30.111.780	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	537.096.860	-	473.225.000	-
	<b>2.004.305.213</b>	<b>-</b>	<b>883.001.780</b>	<b>-</b>

### 6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hội chợ điện tử và thiết bị thông minh	177.858.300	-	-	-
- Triển lãm y dược Sài Gòn	-	-	792.000.000	-
- Hội chợ thực phẩm Sài Gòn	-	-	792.000.000	-
- Khác	144.817.366	-	95.410.000	-
	<b>322.675.666</b>	<b>-</b>	<b>1.679.410.000</b>	<b>-</b>

## 8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Tạm ứng	692.548.448	-	708.850.181	-
- Lãi tiền gửi Ngân hàng	859.150.000	-	265.150.000	-
- Phải thu đối tượng khác	609.716.642	-	609.216.642	-
	<b>2.161.415.090</b>	<b>-</b>	<b>1.583.216.823</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Ký cược, ký quỹ	350.000.000	-	350.000.000	-
	<b>350.000.000</b>	<b>-</b>	<b>350.000.000</b>	<b>-</b>

## 9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.346.596.159	-	9.090.146.987	-
	<b>6.346.596.159</b>	<b>-</b>	<b>9.090.146.987</b>	<b>-</b>

## 10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	11.283.675.683	407.747.444	3.627.413.252	15.318.836.379
Số dư cuối năm	<b>11.283.675.683</b>	<b>407.747.444</b>	<b>3.627.413.252</b>	<b>15.318.836.379</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	7.818.969.961	324.825.744	1.947.838.251	10.091.633.956
- Khấu hao trong năm	356.528.837	20.701.000	336.068.000	713.297.837
Số dư cuối năm	<b>8.175.498.798</b>	<b>345.526.744</b>	<b>2.283.906.251</b>	<b>10.804.931.793</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	3.464.705.722	82.921.700	1.679.575.001	5.227.202.423
Tại ngày cuối năm	<b>3.108.176.885</b>	<b>62.220.700</b>	<b>1.343.507.001</b>	<b>4.513.904.586</b>

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.871.636.970 VND
- Nguyên giá TSCĐ đầu năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 567.240.696 VND

## 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm	Cộng
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	54.000.000	54.000.000
Số dư cuối năm	<b>54.000.000</b>	<b>54.000.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	29.700.000	29.700.000
- Khấu hao trong năm	10.800.000	10.800.000
Số dư cuối năm	<b>40.500.000</b>	<b>40.500.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	24.300.000	24.300.000
Tại ngày cuối năm	<b>13.500.000</b>	<b>13.500.000</b>

## 12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Thuê máy chủ hosting	36.000.000	-
- Các khoản khác	27.453.454	18.816.000
	<b>63.453.454</b>	<b>18.816.000</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Chi phí công cụ dụng cụ	51.756.212	10.875.000
	<b>51.756.212</b>	<b>10.875.000</b>

## 13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Hội chợ điện tử và thiết bị thông minh	331.632.000	331.632.000	-	-
- Biển quảng cáo	-	-	95.444.982	95.444.982
- Dịch vụ B2B hội chợ thực phẩm	-	-	20.626.000	20.626.000
- Khác	47.593.855	47.593.855	184.850.000	184.850.000
	<b>379.225.855</b>	<b>379.225.855</b>	<b>300.920.982</b>	<b>300.920.982</b>

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Khách hàng thuê Văn phòng	166.417.375	137.526.000
- Khách hàng triển lãm Mẹ và bé tại TP. Hồ Chí Minh	1.826.429.440	1.091.428.617
- Khách hàng triển lãm Vật liệu Trung Quốc	477.065.504	-
- Khách hàng hội trợ Expo tại Hà Nội	589.900.411	660.923.711
- Khách hàng hội trợ Thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh	878.075.090	1.290.723.600
- Hội chợ triển lãm nguồn cung toàn cầu	3.498.961.195	-
- Hội chợ Y dược Sài Gòn	65.884.900	231.626.175
- Hội chợ quà tặng và đồ gia dụng	-	811.569.550
- Hội chợ điện tử và thiết bị thông minh	-	707.394.550
- Hội chợ Ngũ Kim tại TP Hồ Chí Minh	62.559.000	72.059.000
- Khác	1.481.983.470	2.536.482.637
	<u>9.047.276.385</u>	<u>7.539.733.840</u>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	đầu năm	đầu năm	trong năm	trong năm	cuối năm	cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	39.414.622	-	3.019.076.982	2.098.039.247	206.766.839	1.088.389.952
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	392.145.822	3.720.201.058	1.688.244.616	-	2.424.102.264
- Thuế thu nhập cá nhân	-	15.110.186	644.779.526	319.184.542	-	340.705.170
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	237.213.260	237.213.260	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	80.280.156	80.280.156	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	121.487.691	121.487.691	-	-
	<b>39.414.622</b>	<b>407.256.008</b>	<b>7.823.038.673</b>	<b>4.544.449.512</b>	<b>206.766.839</b>	<b>3.853.197.386</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**16. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	130.279.699	120.434.851
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.375.215.630	6.686.449.600
<i>Công ty Triển lãm Quốc tế Chan Chao - mượn tiền</i>	<i>1.730.000.000</i>	<i>4.067.352.000</i>
<i>Khách hàng trả trước không tham gia hội chợ, triển lãm</i>	<i>-</i>	<i>1.589.097.600</i>
<i>Khách hàng triển lãm Chiết Giang Trung Quốc tại Việt Nam - Khách hàng trả trước</i>	<i>3.615.215.630</i>	<i>-</i>
<i>Ông Vũ Hoàng - hợp tác kinh doanh</i>	<i>1.030.000.000</i>	<i>1.030.000.000</i>
	<b><u>6.505.495.329</u></b>	<b><u>6.806.884.451</u></b>

**17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước	262.478.171	568.021.137
	<b><u>262.478.171</u></b>	<b><u>568.021.137</u></b>

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>12.249.480.000</b>	<b>520.000</b>	<b>14.222.720.689</b>	<b>1.393.690.815</b>	<b>27.866.411.504</b>
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.494.361.608	1.494.361.608
Trích các quỹ	-	-	-	(1.339.464.773)	(1.339.464.773)
Giảm khác	-	-	-	(6.651.644)	(6.651.644)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>12.249.480.000</b>	<b>520.000</b>	<b>14.222.720.689</b>	<b>1.541.936.006</b>	<b>28.014.656.695</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>12.249.480.000</b>	<b>520.000</b>	<b>14.222.720.689</b>	<b>1.541.936.006</b>	<b>28.014.656.695</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	15.170.429.068	15.170.429.068
Chi cổ tức (i)	-	-	-	(1.224.948.000)	(1.224.948.000)
Trích các quỹ (i)	-	-	-	(262.761.965)	(262.761.965)
Thuế TNDN truy thu	-	-	-	(229.612.579)	(229.612.579)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>12.249.480.000</b>	<b>520.000</b>	<b>14.222.720.689</b>	<b>14.995.042.530</b>	<b>41.467.763.219</b>

(i) Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2022 của Công ty, thông qua phương án chia cổ tức và phân phối các quỹ như sau: Chia cổ tức 10% tương ứng số tiền 1.224.948.000 đồng và trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận còn lại của Công ty số tiền: 262.761.965 đồng.

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	12.249.480.000	12.249.480.000
- Vốn góp cuối năm	12.249.480.000	12.249.480.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	1.224.948.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	1.224.948.000	-

c) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.224.948	1.224.948
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.224.948	1.224.948
- Cổ phiếu phổ thông	1.224.948	1.224.948
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.224.948	1.224.948
- Cổ phiếu phổ thông	1.224.948	1.224.948
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

d) Các quỹ của Công ty

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	14.222.720.689	14.222.720.689
	<b>14.222.720.689</b>	<b>14.222.720.689</b>

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	31/12/2022	01/01/2022
- Đô la Mỹ	USD	472.264,07	278.372,04
- Euro	EUR	24.316,11	10.681,14

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	141.933.363.368	22.557.205.616
	<b>141.933.363.368</b>	<b>22.557.205.616</b>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	111.812.736.540	15.823.486.362
	<b>111.812.736.540</b>	<b>15.823.486.362</b>

## 22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.402.955.383	930.215.590
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	230.727.159	18.493.146
	<b>1.633.682.542</b>	<b>948.708.736</b>

## 23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	126.505.549
	<b>-</b>	<b>126.505.549</b>

## 24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	12.031.556.557	4.356.393.550
Chi phí đồ dùng văn phòng	30.067.536	3.625.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	724.097.837	758.657.228
Thuế, phí, và lệ phí	247.454.452	282.043.902
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.184.769.948	457.012.446
Chi phí khác bằng tiền	439.238.182	430.086.960
	<b>14.657.184.512</b>	<b>6.287.819.086</b>

## 25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Công nợ không phải trả (i)	1.674.501.137	357.594.000
Thu phạt hợp đồng kinh tế	68.073.000	15.660.000
Thu nhập khác	787.037	245.549.996
	<b>1.743.361.174</b>	<b>618.803.996</b>

(i) Các khoản công nợ không phải hoàn trả do khách hàng không tiếp tục thực hiện hợp đồng. Trong đó, khoản người mua trả tiền trước số tiền 1.589.097.600 VND phát sinh từ năm 2019 được Công ty ghi nhận vào thu nhập theo tờ trình và phê duyệt xử lý khoản nợ ngày 23/12/2022 của Công ty.

**26. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản bị phạt	153.906.664	-
Chi phí khác	84.193.858	399.921
	<b>238.100.522</b>	<b>399.921</b>

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	18.602.385.510	1.886.507.430
Các khoản điều chỉnh tăng	553.027.308	914.534.158
- Khấu hao ô tô vượt 1,6 tỷ	81.360.000	81.360.000
- Lỗi chênh lệch tỷ giá	-	126.505.549
- Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát không trực tiếp điều hành	235.000.000	-
- Khoản phạt và khoản khác không được trừ	236.667.308	706.668.609
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.995.630.610)	-
- Lãi chênh lệch đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(230.727.159)	-
- Thu nhập khác đã truy thu thuế 2021	(1.638.350.400)	-
- Lợi nhuận chuyển lỗ của chi nhánh	(126.553.051)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	17.159.782.208	2.801.041.588
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>3.431.956.442</b>	<b>560.208.318</b>
Giảm thuế TNDN phải nộp theo nghị định 92/2021/NĐ-	-	(168.062.496)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>3.431.956.442</b>	<b>392.145.822</b>

**28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	15.170.429.068	1.494.361.608
Các khoản điều chỉnh:	-	262.761.965
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	262.761.965
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	15.170.429.068	1.231.599.643
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.224.948	1.224.948
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>12.385</b>	<b>1.005</b>

Công ty chưa có kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu mới nên lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

## 29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	13.369.042.507	4.356.393.550
Chi phí khấu hao tài sản cố định	724.097.837	758.657.228
Chi phí dịch vụ mua ngoài	108.946.537.246	12.845.957.710
Chi phí khác bằng tiền	686.692.634	4.150.296.960
	<b>123.726.370.224</b>	<b>22.111.305.448</b>

## 30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp này.

## 31. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ hội chợ, triển lãm. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 20 và 21 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

## 32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

### Bên liên quan

Ông Nguyễn Khắc Luận

Bà Nguyễn Thu Hồng

Ông Đinh Văn Khải

Ông Phạm Đăng Khánh

### Mối quan hệ

Tổng giám đốc

Phó tổng Giám đốc

Phó tổng Giám đốc

Phó tổng Giám đốc

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.284.514.366	431.234.000
- Ông Nguyễn Khắc Luận	346.682.440	120.690.000
- Bà Nguyễn Thu Hồng	327.513.355	101.855.000
- Ông Đinh Văn Khải	321.388.572	110.068.000
- Ông Phạm Đăng Khánh	288.929.999	98.621.000



### 33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam kiểm toán.

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Bùi Thu Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Tuyết Mai

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Luận

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực: 02002 Quyển số: 01 SCT/BS

NGÀY: 14-05-2024

**NGƯỜI THỰC HIỆN CHỨNG THỰC**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**TUQ. CHỦ TỊCH**  
**CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH**  
*Bành Hồng Diệp*



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO VÀ HỘI CHỢ THƯƠNG MẠI VINEXAD**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(đã được kiểm toán)





## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán	06 - 26
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	11 - 26

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103010028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ sáu số 0100108007 ngày 17 tháng 9 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại số 9 Đinh Lễ, Phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Quỳnh Giang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Khắc Luận	Phó Chủ tịch
Ông Đinh Văn Khải	Thành viên
Ông Trịnh Xuân Tuấn	Thành viên
Bà Nguyễn Thu Hồng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Khắc Luận	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Khải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thu Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đăng Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Tuyết Mai	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Vũ Đăng Khoa	Trưởng ban
Bà Huỳnh Thị Thúy Nga	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Ngọc Châu	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính tổng hợp cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**





CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO

Địa chỉ: Số 2, ngõ 308 Lê Trọng Tấn, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Điện thoại: 09 2509 2007 | Fax: 0102374170 | Email: asco@asco.vn | Website: www.asco.vn



Số: 04/2024/ASCO/BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad

### Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính tổng hợp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad được lập ngày 26 tháng 02 năm 2024, từ trang 6 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO



Phạm Ngọc Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 4493-2024-149-1

Kiểm toán viên

Phan Đình Dũng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 4887-2024-149-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
		VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>114.960.220.512</b>	<b>65.017.462.014</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>55.837.541.091</b>	<b>14.912.249.593</b>
111	1. Tiền	55.837.541.091	14.912.249.593
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>39.000.000.000</b>	<b>39.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	39.000.000.000	39.000.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>4.955.426.690</b>	<b>4.488.395.969</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	966.902.161	2.004.305.213
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	706.040.560	322.675.666
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	3.282.483.969	2.161.415.090
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>13.180.621.813</b>	<b>6.346.596.159</b>
141	1. Hàng tồn kho	13.180.621.813	6.346.596.159
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>1.986.630.918</b>	<b>270.220.293</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	45.147.746	63.453.454
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	1.734.716.333	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	206.766.839	206.766.839
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>5.410.503.611</b>	<b>4.929.160.798</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>390.695.000</b>	<b>350.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	390.695.000	350.000.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>4.909.228.362</b>	<b>4.527.404.586</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	4.906.528.362	4.513.904.586
222	- Nguyên giá	15.995.721.946	15.318.836.379
223	- Giá trị hao mòn lũy kế	(11.089.193.584)	(10.804.931.793)
227	2. Tài sản cố định vô hình	2.700.000	13.500.000
228	- Nguyên giá	54.000.000	54.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế	(51.300.000)	(40.500.000)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>110.580.249</b>	<b>51.756.212</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	110.580.249	51.756.212
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>120.370.724.123</b>	<b>69.946.622.812</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
		VND	VND
<b>300 C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>52.663.829.080</b>	<b>28.478.859.593</b>
<b>310 I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>52.663.829.080</b>	<b>28.478.859.593</b>
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	188.154.829	379.225.855
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	10.896.570.584	9.047.276.385
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	13.108.000.747	3.853.197.386
314 4. Phải trả người lao động		2.961.000.000	636.000.000
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn		70.000.000	55.000.000
318 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	159.016.701	262.478.171
319 7. Phải trả ngắn hạn khác	15	15.286.974.023	6.505.495.329
320 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		22.640.000	22.640.000
322 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		9.971.472.196	7.717.546.467
<b>400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>67.706.895.043</b>	<b>41.467.763.219</b>
<b>410 I. Vốn chủ sở hữu</b>	17	<b>67.706.895.043</b>	<b>41.467.763.219</b>
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		12.249.480.000	12.249.480.000
411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		12.249.480.000	12.249.480.000
412 2. Thặng dư vốn cổ phần		520.000	520.000
418 3. Quỹ đầu tư phát triển		17.943.584.934	14.222.720.689
421 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		37.513.310.109	14.995.042.530
421a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		54.226.041	54.226.041
421b - LNST chưa phân phối năm nay		37.459.084.068	14.940.816.489
<b>440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>120.370.724.123</b>	<b>69.946.622.812</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thắm

Nguyễn Tuyết Mai

Nguyễn Khắc Luận

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	252.338.882.462	141.933.363.368
02	1. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		252.338.882.462	141.933.363.368
11	3. Giá vốn hàng bán	20	182.373.350.779	111.812.736.540
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		69.965.531.683	30.120.626.828
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.398.161.444	1.633.682.542
22	6. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	7. Chi phí bán hàng		-	-
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	27.632.681.757	14.657.184.512
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		46.731.011.370	17.097.124.858
31	9. Thu nhập khác	23	570.717.382	1.743.361.174
32	10. Chi phí khác	24	249.089.878	238.100.522
40	11. Lợi nhuận khác		321.627.504	1.505.260.652
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		47.052.638.874	18.602.385.510
51	13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	9.593.554.806	3.431.956.442
52	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		37.459.084.068	15.170.429.068
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	30.580	12.385
71	17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		30.580	12.385

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thắm

Kế toán trưởng

Nguyễn Tuyết Mai

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Luận



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	47.052.638.874	18.602.385.510
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	600.249.588	724.097.837
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(167.652.955)	(230.727.159)
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(3.132.018.595)	(1.402.955.383)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	44.353.216.912	17.692.800.805
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	(1.163.292.054)	83.880.417
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	(6.834.025.654)	2.743.550.828
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	15.539.488.916	3.028.900.266
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	(40.518.329)	(85.518.666)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(3.428.942.264)	(1.688.244.616)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	2.140.000	58.632.037
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1.616.338.515)	(238.116.110)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	46.811.729.012	21.595.884.961
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(982.073.364)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	254.545.455	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(36.000.000.000)	(43.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	36.000.000.000	29.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.798.323.140	808.955.383
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	1.070.795.231	(13.191.044.617)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(7.124.885.700)	(1.224.948.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(7.124.885.700)	(1.224.948.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	40.757.638.543	7.179.892.344
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	14.912.249.593	7.501.630.090
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	167.652.955	230.727.159
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	<b>3 55.837.541.091</b>	<b>14.912.249.593</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thắm

Kế toán trưởng

Nguyễn Tuyết Mai



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2023

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103010028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ sáu số 0100108007 ngày 17 tháng 9 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại số 9 Đinh Lễ, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 12.249.480.000 đồng, tương đương 1.224.948 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số cán bộ nhân viên của Công ty là 71 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 64 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

- Tổ chức hội chợ - triển lãm hội nghị và các sự kiện hàng đầu Việt Nam;
- Xây dựng, thực hiện chương trình quảng cáo trên mọi hình thức;
- Truyền thông - PR - Marketing;
- Bất động sản và văn phòng cho thuê.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá);
- Tổ chức giới thiệu, xúc tiến thương mại, chi tiết: Hội chợ triển lãm thương mại; dịch vụ tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo và hợp tác đầu tư; xúc tiến thương mại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà ở, văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

- Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

##### Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad

##### Địa chỉ

1202 tầng 12 tòa nhà  
Đông Dương, số 4  
Nguyễn Đình Chiểu,  
phường Đa Kao, quận 1,  
Thành phố Hồ Chí Minh

##### Hoạt động kinh doanh chính

Tổ chức hội chợ - triển lãm hội nghị và các sự kiện; Quảng cáo.

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính tổng hợp được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

### 2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### 2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

### 2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 -10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	5 năm

## 2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp.

### 2.13 . Doanh thu

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn

#### *Doanh thu cho thuê hoạt động*

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm ... được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 2.14 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

### 2.15 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### 2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	633.744.517	807.347.182
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	55.203.796.574	14.104.902.411
<b>Tổng</b>	<b>55.837.541.091</b>	<b>14.912.249.593</b>

### 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	39.000.000.000	-	39.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	39.000.000.000	-	39.000.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>39.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>39.000.000.000</b>	<b>-</b>

(i) Là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 3,7%/năm đến 8,1%/năm.

### 5 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Khách hàng hội chợ Điện tử và Thiết bị thông minh	-	-	1.380.436.947	-
Khách hàng thuê văn phòng	185.265.400	-	25.624.400	-
Khách hàng thuê biển Quảng cáo	433.080.000	-	31.320.000	-
Khách hàng hội chợ Expo tại Sài Gòn	12.960.000	-	-	-
Khách hàng triển lãm xe đạp thể thao	-	-	29.827.006	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	335.596.761	-	537.096.860	-
<b>Tổng</b>	<b>966.902.161</b>	<b>-</b>	<b>2.004.305.213</b>	<b>-</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần chứng khoán FPT	143.000.000	-	-	-
Hội chợ điện tử và thiết bị thông minh	-	-	177.858.300	-
Công ty Cổ phần Eurowindow	169.108.360	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thiết kế Xây dựng PH	240.500.000	-	-	-
Khác	153.432.200	-	144.817.366	-
<b>Tổng</b>	<b>706.040.560</b>	<b>-</b>	<b>322.675.666</b>	<b>-</b>

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Tạm ứng	1.033.539.221	-	692.548.448	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.938.300.000	-	859.150.000	-
Phải thu khác	310.644.748	-	609.716.642	-
<b>Tổng</b>	<b>3.282.483.969</b>	<b>-</b>	<b>2.161.415.090</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	390.695.000	-	350.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>390.695.000</b>	<b>-</b>	<b>350.000.000</b>	<b>-</b>

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.180.621.813	-	6.346.596.159	-
<b>Tổng</b>	<b>13.180.621.813</b>	<b>-</b>	<b>6.346.596.159</b>	<b>-</b>



9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	11.283.675.683	407.747.444	3.627.413.252	15.318.836.379
- Mua trong năm	-	39.545.455	942.527.909	982.073.364
- Giảm khác	-	(38.454.545)	(266.733.252)	(305.187.797)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>11.283.675.683</b>	<b>408.838.354</b>	<b>4.303.207.909</b>	<b>15.995.721.946</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	8.175.498.798	345.526.744	2.283.906.251	10.804.931.793
- Khấu hao trong năm	149.378.380	25.459.218	414.611.990	589.449.588
- Giảm khác	-	(38.454.545)	(266.733.252)	(305.187.797)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.324.877.178</b>	<b>332.531.417</b>	<b>2.431.784.989</b>	<b>11.089.193.584</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	3.108.176.885	62.220.700	1.343.507.001	4.513.904.586
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.958.798.505</b>	<b>76.306.937</b>	<b>1.871.422.920</b>	<b>4.906.528.362</b>

- Nguyên giá TSCĐ đầu năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.871.636.970 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.598.949.173 VND.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm	Cộng
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	54.000.000	54.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>54.000.000</b>	<b>54.000.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	40.500.000	40.500.000
- Khấu hao trong năm	10.800.000	10.800.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>51.300.000</b>	<b>51.300.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	13.500.000	13.500.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.700.000</b>	<b>2.700.000</b>

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Thuê máy chủ hosting	18.000.000	36.000.000
Các khoản khác	27.147.746	27.453.454
<b>Tổng</b>	<b>45.147.746</b>	<b>63.453.454</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí công cụ dụng cụ	110.580.249	51.756.212
<b>Tổng</b>	<b>110.580.249</b>	<b>51.756.212</b>

**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Biển quảng cáo	38.000.000	-	-	-
Hội chợ điện tử và thiết bị thông minh	-	-	331.632.000	-
Hội chợ Y dược Sài Gòn	38.834.600	-	-	-
Khác	111.320.229	-	47.593.855	-
<b>Tổng</b>	<b>188.154.829</b>	<b>-</b>	<b>379.225.855</b>	<b>-</b>

**13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Khách hàng thuê Văn phòng	118.459.375	166.417.375
Khách hàng hội chợ Thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh	2.651.874.547	878.075.090
Khách hàng hội chợ Expo tại Hà Nội	624.329.678	589.900.411
Khách hàng triển lãm Mẹ và Bé tại TP. Hồ Chí Minh	4.170.477.000	1.826.429.440
Hội chợ Y dược Sài Gòn	559.507.853	65.884.900
Hội chợ triển lãm nguồn cung toàn cầu	-	3.498.961.195
Khách hàng triển lãm Vật liệu Trung Quốc	-	477.065.504
Khác	2.771.922.131	1.544.542.470
<b>Tổng</b>	<b>10.896.570.584</b>	<b>9.047.276.385</b>

**Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad**

Số 9 Đinh Lễ, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính tổng hợp**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B09-DN

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	đầu năm	đầu năm	trong năm	trong năm	cuối năm	cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	206.766.839	1.088.389.952	6.512.678.069	4.810.027.133	206.766.839	2.791.040.888
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.424.102.264	9.595.694.806	3.428.942.264	-	8.590.854.806
Thuế thu nhập cá nhân	-	340.705.170	2.985.506.608	1.600.106.725	-	1.726.105.053
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	554.290.695	554.290.695	-	-
Các loại thuế khác	-	-	86.844.352	86.844.352	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1.107.450	1.107.450	-	-
	<b>206.766.839</b>	<b>3.853.197.386</b>	<b>19.736.121.980</b>	<b>10.481.318.619</b>	<b>206.766.839</b>	<b>13.108.000.747</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	137.601.999	130.279.699
Bảo hiểm xã hội	3.268.850	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.146.103.174	6.375.215.630
<i>Khách hàng triển lãm Chiết Giang Trung Quốc tại Việt Nam - Khách hàng trả trước</i>	<i>2.587.614.900</i>	<i>3.615.215.630</i>
<i>Công ty Triển lãm Quốc tế Chan Chao - đặt cọc</i>	<i>12.333.685.974</i>	<i>1.730.000.000</i>
<i>Ông Vũ Hoàng - hợp tác kinh doanh</i>	<i>-</i>	<i>1.030.000.000</i>
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>224.802.300</i>	<i>-</i>
<b>Tổng</b>	<b><u><u>15.286.974.023</u></u></b>	<b><u><u>6.505.495.329</u></u></b>

16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Doanh thu nhận trước	159.016.701	262.478.171
<b>Tổng</b>	<b><u><u>159.016.701</u></u></b>	<b><u><u>262.478.171</u></u></b>

**17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	12.249.480.000	520.000	14.222.720.689	1.541.936.006	28.014.656.695
Lãi trong năm trước	-	-	-	15.170.429.068	15.170.429.068
Chi cổ tức (i)	-	-	-	(1.224.948.000)	(1.224.948.000)
Trích các quỹ (i)	-	-	-	(262.761.965)	(262.761.965)
Thuế TNDN truy thu	-	-	-	(229.612.579)	(229.612.579)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>12.249.480.000</b>	<b>520.000</b>	<b>14.222.720.689</b>	<b>14.995.042.530</b>	<b>41.467.763.219</b>
Số dư đầu năm nay	12.249.480.000	520.000	14.222.720.689	14.995.042.530	41.467.763.219
Lãi trong năm nay	-	-	-	37.459.084.068	37.459.084.068
Chi cổ tức (ii)	-	-	-	(7.349.688.000)	(7.349.688.000)
Trích các quỹ (ii)	-	-	3.720.864.245	(7.441.728.489)	(3.720.864.244)
Giảm do chi thường	-	-	-	(149.400.000)	(149.400.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>12.249.480.000</b>	<b>520.000</b>	<b>17.943.584.934</b>	<b>37.513.310.109</b>	<b>67.706.895.043</b>

(i) Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2022 của Công ty, thông qua phương án chia cổ tức và phân phối các quỹ như sau: Chia cổ tức 10% tương ứng số tiền 1.224.948.000 đồng và trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận còn lại của Công ty số tiền: 262.761.965 đồng.

(ii) Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2023 của Công ty, thông qua phương án chia cổ tức và phân phối các quỹ như sau: Chia cổ tức 60% tương ứng số tiền 7.349.688.000 đồng và trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận còn lại của Công ty số tiền 3.720.864.245 đồng.

**b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
- Vốn góp đầu năm	12.249.480.000	12.249.480.000
- Vốn góp cuối năm	<u>12.249.480.000</u>	<u>12.249.480.000</u>
<i>Cổ tức, lợi nhuận</i>		
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	7.349.688.000	1.224.948.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	7.349.688.000	1.224.948.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	-	-

**c) Cổ phiếu**

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.224.948	1.224.948
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.224.948	1.224.948
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.224.948	1.224.948
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.224.948	1.224.948

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

**d) Các quỹ của Công ty**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	17.943.584.934	14.222.720.689
	<u>17.943.584.934</u>	<u>14.222.720.689</u>

**18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2023	01/01/2023
- USD	2.003.447,09	472.264,07
- EUR	63.133,25	24.316,11

**19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	252.338.882.462	141.933.363.368
<b>Tổng</b>	<u>252.338.882.462</u>	<u>141.933.363.368</u>

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	182.373.350.779	111.812.736.540
<b>Tổng</b>	<b>182.373.350.779</b>	<b>111.812.736.540</b>

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.877.473.140	1.402.955.383
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.353.035.349	
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	167.652.955	230.727.159
<b>Tổng</b>	<b>4.398.161.444</b>	<b>1.633.682.542</b>

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí đồ dùng văn phòng	138.856.070	30.067.536
Chi phí nhân công	23.474.254.281	12.031.556.557
Chi phí khấu hao tài sản cố định	600.249.588	724.097.837
Thuế, phí và lệ phí	568.165.887	247.454.452
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.281.579.931	1.184.769.948
Chi phí khác bằng tiền	569.576.000	439.238.182
	<b>27.632.681.757</b>	<b>14.657.184.512</b>

23 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Công nợ không phải trả	-	1.674.501.137
Thu phạt hợp đồng kinh tế	127.150.600	68.073.000
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	254.545.455	-
Các khoản khác	189.021.327	787.037
<b>Tổng</b>	<b>570.717.382</b>	<b>1.743.361.174</b>



**24 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	35.306.193	153.906.664
Các khoản khác	213.783.685	84.193.858
<b>Tổng</b>	<b>249.089.878</b>	<b>238.100.522</b>

**25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	47.052.638.874	18.602.385.510
Các khoản điều chỉnh tăng	1.662.805.808	553.027.308
- <i>Khấu hao ô tô vượt 1,6 tỷ đồng</i>	81.360.000	81.360.000
- <i>Chênh lệch thuế GTGT không được khấu trừ</i>	183.274.412	-
- <i>Thù lao HDQT, Ban kiểm soát không trực tiếp điều hành</i>	1.203.000.000	235.000.000
- <i>Khoản phạt và khoản khác không được trừ</i>	195.171.396	236.667.308
Các khoản điều chỉnh giảm	(747.670.652)	(1.995.630.610)
- <i>Lãi chênh lệch đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ năm trước</i>	-	(230.727.159)
- <i>Lãi chênh lệch đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ năm nay</i>	(167.652.955)	-
- <i>Thu nhập khác đã truy thuế 2021</i>	-	(1.638.350.400)
- <i>Lợi nhuận chuyển lỗ của chi nhánh</i>	(580.017.697)	(126.553.051)
Thu nhập tính thuế TNDN	47.967.774.030	17.159.782.208
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>9.593.554.806</b>	<b>3.431.956.442</b>

**26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	37.459.084.068	15.170.429.068
Các khoản điều chỉnh:	-	(3.720.864.244)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	(3.720.864.244)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	37.459.084.068	11.449.564.824
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.224.948	1.224.948
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>30.580</b>	<b>9.347</b>

Công ty chưa có kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu mới nên lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.



Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu.

## 27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí đồ dùng văn phòng	138.856.070	30.067.536
Chi phí nhân công	28.053.611.160	13.369.042.507
Chi phí khấu hao tài sản cố định	600.249.588	724.097.837
Chi phí dịch vụ mua ngoài	186.342.433.598	108.669.015.258
Thuế, phí và lệ phí	568.165.887	247.454.452
Chi phí khác bằng tiền	1.136.741.887	686.692.634
<b>Tổng</b>	<b>216.840.058.190</b>	<b>123.726.370.224</b>

## 28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp này.

## 29 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ hội chợ, triển lãm. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 19 và 20 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

## 30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Ông Phạm Quỳnh Giang	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Khắc Luận	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Ông Trịnh Xuân Tuấn	Thành viên HĐQT
- Bà Nguyễn Thu Hồng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Ông Đinh Văn Khải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Đăng Khánh	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Vũ Đăng Khoa	Trưởng Ban kiểm soát
- Bà Huỳnh Thị Thúy Nga	Thành viên Ban kiểm soát
- Bà Huỳnh Thị Ngọc Châu	Thành viên Ban kiểm soát



Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

**Thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát**

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1	Ông Phạm Quỳnh Giang	Chủ tịch HĐQT	106.159.500	-
2	Ông Nguyễn Khắc Luận	Phó Chủ tịch HĐQT	84.928.500	-
3	Ông Trịnh Xuân Tuấn	Thành viên HĐQT	70.771.500	-
4	Bà Nguyễn Thu Hồng	Thành viên HĐQT	78.635.000	-
5	Ông Đinh Văn Khải	Thành viên HĐQT	78.635.000	-
6	Ông Vũ Đăng Khoa	Trưởng Ban kiểm soát	53.786.800	-
7	Bà Huỳnh Thị Thúy Nga	Thành viên Ban kiểm soát	36.306.090	-
8	Bà Huỳnh Thị Ngọc Châu	Thành viên Ban kiểm soát	36.306.090	-
<b>Tổng</b>			<b>545.528.480</b>	<b>-</b>

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022 được chi trả vào năm 2023, số tiền là 545.528.480 VND.

**Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác**

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1	Ông Nguyễn Khắc Luận	Tổng Giám đốc	526.839.320	346.682.440
2	Bà Nguyễn Thu Hồng	Phó Tổng Giám đốc	542.588.049	327.513.335
3	Ông Đinh Văn Khải	Phó Tổng Giám đốc	486.937.000	321.388.572
4	Ông Phạm Đăng Khánh	Phó Tổng Giám đốc	484.762.000	288.929.999
<b>Tổng</b>			<b>2.041.126.369</b>	<b>1.284.514.346</b>

**31 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO kiểm toán.

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

*Nguyễn Thị Thắm*  
**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực:.....0-2-0-0-3..... Quyển số: 01 SCT/BS



Nguyễn Thị Thắm

NGÀY: 14-05-2024

Nguyễn Tuyết Mai

Nguyễn Khắc Luận

**NGƯỜI THỰC HIỆN CHỨNG THỰC**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**TU. CHỦ TỊCH**  
**CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH**  
*Bà Hồng Diệp*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
9 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết Minh	31/12/2023	30/9/2024
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	01		252.338.882.462	173.901.102.355
2. Các khoản giảm trừ	03		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10		252.338.882.462	173.901.102.355
4. Giá vốn hàng bán	11		182.373.350.779	116.969.530.892
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		69.965.531.683	56.931.571.463
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		4.398.161.444	2.596.484.579
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		27.632.681.757	15.713.884.570
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		46.731.011.370	43.814.171.472
11. Thu nhập khác	31		570.717.382	44.449.681
12. Chi phí khác	32		249.089.878	792.338.298
13. Lợi nhuận khác	40		321.627.504	(747.888.617)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		47.052.638.874	43.066.282.855
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		9.593.554.806	8.461.711.371
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN Phạt thuế VAT	52		37.459.084.068	34.604.571.484
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		30.580	28.250
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		30.580	28.250

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thắm

Kế toán trưởng

Nguyễn Tuyết Mai

Lập báo cáo kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2024



Người giám đốc

Nguyễn Thu Hồng

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

9 tháng đầu năm 2024

(Áp dụng cho doanh nghiệp được giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết Minh	31/12/2023	30/9/2024
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>114.960.220.512</b>	<b>152.207.672.554</b>
100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>55.837.541.091</b>	<b>78.572.783.187</b>
. Tiền	111		55.837.541.091	78.572.783.187
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>*II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>39.000.000.000</b>	<b>39.000.000.000</b>
. Chứng khoán kinh doanh	121		-	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	
. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		39.000.000.000	39.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>4.955.426.690</b>	<b>8.212.978.380</b>
. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		966.902.161	1.834.581.539
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		706.040.560	3.954.965.322
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	
. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		3.282.483.969	2.423.431.519
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137		-	
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	
<b>V. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>13.180.621.813</b>	<b>24.073.322.828</b>
1. Hàng tồn kho	141		13.180.621.813	24.073.322.828
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.986.630.918</b>	<b>2.348.588.159</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		45.147.746	48.085.793
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.734.716.333	2.093.735.527
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153		206.766.839	206.766.839
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	

<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5.410.503.611</b>	<b>5.231.012.868</b>
200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>390.695.000</b>	<b>350.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		390.695.000	350.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.909.228.362</b>	<b>4.454.371.454</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		4.906.528.362	4.454.371.454
- Nguyên giá	222		15.995.721.946	15.994.921.946
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(11.089.193.584)	(11.540.550.492)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		2.700.000	-
- Nguyên giá	228		54.000.000	54.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(51.300.000)	(54.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào Công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>110.580.249</b>	<b>426.641.414</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		110.580.249	426.641.414
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>120.370.724.123</b>	<b>157.438.685.422</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	30/09/2024
1	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)</b>	<b>300</b>		<b>52.663.829.080</b>	<b>78.590.133.583</b>
<i>Nợ ngắn hạn</i>	<b>310</b>		<b>52.663.829.080</b>	<b>78.590.133.583</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		188.154.829	7.856.833.149
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.896.570.584	45.601.416.325
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		13.108.000.747	9.677.505.119
4. Phải trả người lao động	314		2.961.000.000	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		70.000.000	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		159.016.701	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		15.286.974.023	4.539.020.500
0. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		22.640.000	22.640.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
2. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		9.971.472.196	10.892.718.490
3. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<i>I. Nợ dài hạn</i>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải trả dài hạn người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)</b>	<b>400</b>		<b>67.706.895.043</b>	<b>78.848.551.839</b>
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<b>410</b>		<b>67.706.895.043</b>	<b>78.848.551.839</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		12.249.480.000	12.249.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		520.000	520.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-

5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	17.943.584.934	32.612.130.588
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
1. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	37.513.310.109	33.986.421.251
- LNST chưa phân phối kỳ kế đến cuối kỳ trước	421a	54.226.041	54.226.041
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	37.459.084.068	33.932.195.210
2. Nguồn vốn đầu tư XD cơ bản	422	-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	-	-
1. Nguồn kinh phí	432	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>	<b>120.370.724.123</b>	<b>157.438.685.422</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Thắm

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Tuyết Mai

Lập, ngày 09 tháng 10 năm 2024



TRƯỞNG GIÁM ĐỐC



Trần Thu Hồng

ty CP Quảng cáo và Hội chợ Thương mại  
 Địa chỉ: 9 Đinh Lễ, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
 Tổng hợp toàn Công ty

Mẫu số B 03 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp) (\*)

9 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/9/2024	31/12/2023
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		43.066.282.855	47.052.638.874
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			<b>(2.140.680.027)</b>	<b>(2.699.421.962)</b>
- Khấu hao TSCĐ	2		454.056.908	600.249.588
- Các khoản dự phòng	3			
- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4			(167.652.955)
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(2.594.736.935)	(3.132.018.595)
- Chi phí lãi vay	6			
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>		<b>40.925.602.828</b>	<b>44.353.216.912</b>
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	9		(5.510.375.884)	(1.163.292.054)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10		(10.892.701.015)	(6.834.025.654)
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		25.134.201.644	15.539.488.916
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12		(318.999.212)	(40.518.329)
- Tiền lãi vay đã trả	13			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(9.263.231.080)	(3.428.942.264)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			2.140.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.495.072.120)	(1.616.338.515)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>36.579.425.161</b>	<b>46.811.729.012</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		800.000	(982.073.364)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			254.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6.000.000.000)	(36.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.000.000.000	36.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị	26			-

TÀI CHÍNH  
 PHỤ LỤC  
 CÔNG TY  
 NGUYỄN VĂN  
 M.



1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.529.236.935	1.798.323.140
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>4.530.036.935</b>	<b>1.070.795.231</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.374.220.000)	(7.124.885.700)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(18.374.220.000)</b>	<b>(7.124.885.700)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>22.735.242.096</b>	<b>40.757.638.543</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		55.837.541.091	14.912.249.593
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			167.652.955
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>31</b>	<b>78.572.783.187</b>	<b>55.837.541.091</b>

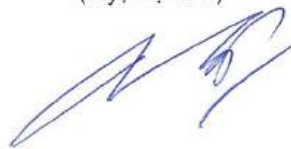
Lập, ngày 09 tháng 10 Năm 2024

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Thắm

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



Nguyễn Tuyết Mai

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Thu Hồng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 Tháng đầu năm 2024

1.

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103010028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ sáu số 0100108007 ngày 17 tháng 9 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 9 Đinh Lễ, phường Tráng Tiên, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 12.249.480.000 đồng; tương đương 1.224.948 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

### Lĩnh vực kinh doanh

- Tổ chức hội chợ - triển lãm hội nghị và các sự kiện hàng đầu Việt Nam;
- Xây dựng, thực hiện chương trình quảng cáo trên mọi hình thức;
- Truyền thông - PR - Marketing;
- Bất động sản và văn phòng cho thuê.

### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá);
- Tổ chức giới thiệu, xúc tiến thương mại, chi tiết: Hội trợ triển lãm thương mại; dịch vụ tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo và hợp tác đầu tư; xúc tiến thương mại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà ở, văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.

### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

- Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau: Địa chỉ

Chi nhánh Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad  
1202 tầng 12 tòa nhà Đông Dương, số 4 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính

Tổ chức hội chợ - triển lãm hội nghị và các sự kiện; Quảng cáo.

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## 2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại Chi nhánh Công ty và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

## 2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## 2.5. Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay.... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hằng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

## 2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

## 2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.11. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: Tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

## 2.12. Doanh thu

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu cho thuê hoạt động*

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

## 2.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2024.

## 2.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2024	31/12/2023
	VND	VND
Tiền mặt	589.446.416	633.744.517
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	77.983.336.771	55.203.796.574
	<u>78.572.783.187</u>	<u>55.837.541.091</u>

### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/09/2024		31/12/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	39.000.000.000	-	39.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	39.000.000.000	-	39.000.000.000	-
	<u>39.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>39.000.000.000</u>	<u>-</u>

(i) Là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng với lãi suất từ 3,7% đến 4,7%.

### 5. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2024		31/12/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty XD quảng cáo Kim Ngân	316.000.000	-	-	-
- Khách hàng thuê văn phòng	235.577.700	-	185.265.400	-
- Khách hàng thuê biển Quảng cáo	217.370.000	-	433.080.000	-
- Khách hàng trên lăm Expo HN	179.581.567	-	-	-
- Khách hàng trên lăm Expo SG	-	-	12.960.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	886.052.272	-	335.596.761	-
	<u>1.834.581.539</u>	<u>-</u>	<u>966.902.161</u>	<u>-</u>

## 6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2024		31/12/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- CÔNG TY CN SPIN VN	442.291.590	-	-	-
- CTY TEMAX APTECH LAB	573.733.805	-	-	-
- CÔNG TY TNHH XD TM MINH TIỀN	414.153.000	-	-	-
- CÔNG TY TNHH JNR VIỆT NAM	91.591.020	-	-	-
- CTY TNHH TT VÀ GIẢI TRÍ ASTAR	43.200.000	-	-	-
- CTY TNHH ORANGE AGENCY & BIẾT THỂ N	35.640.000	-	-	-
- CÔNG TY TNHH TM QC XNK HD PRINTING	65.000.000	-	-	-
- CÔNG TY TNHH ON DIGITALS	108.000.000	-	-	-
- Công ty Dịch vụ Triển Lãm Kinh Kỳ	616.114.200	-	-	-
- CÔNG TY CP THANG MÁY FUJIALPHA	78.240.000	-	-	-
- CTY TNHH TRUYỀN THÔNG SÀI GÒN ALPHA	93.960.000	-	-	-
- Cty liên doanh Hội chợ và Triển lãm Sài Gòn	304.150.000	-	-	-
- CTY CP DV TRUYỀN THÔNG HOÀNG PHÚC	57.142.800	-	-	-
- Cty cổ phần hội chợ và triển lãm VN	642.576.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần chứng khoán FPT	143.000.000	-	143.000.000	-
- Công ty cổ phần Eurowindow	-	-	169.108.360	-
- CTY CP ĐT TM THIẾT KẾ XD PH	-	-	240.500.000	-
- Khác	246.172.907	-	153.432.200	-
	<b>3.954.965.322</b>	<b>-</b>	<b>706.040.560</b>	<b>-</b>

## 8. PHẢI THU KHÁC

	30/09/2024		31/12/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Tạm ứng	1.593.646.921	-	1.033.539.221	-
- Lãi tiền gửi Ngân hàng	3.800.000	-	1.938.300.000	-
- Phải thu đối tượng khác	825.984.598	-	310.644.748	-
	<b>2.423.431.519</b>	<b>-</b>	<b>3.282.483.969</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Ký cược, ký quỹ	350.000.000	-	390.695.000	-
	<b>350.000.000</b>	<b>-</b>	<b>390.695.000</b>	<b>-</b>

## 9. HÀNG TỒN KHO

	30/09/2024		31/12/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.073.322.828	-	13.180.621.813	-
	<b>24.073.322.828</b>	<b>-</b>	<b>13.180.621.813</b>	<b>-</b>

## 10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	11.283.675.683	408.838.354	4.303.207.909	15.995.721.946
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	(800.000)	(800.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>11.283.675.683</b>	<b>408.838.354</b>	<b>4.302.407.909</b>	<b>15.994.921.946</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	8.324.877.178	332.531.417	2.431.784.989	11.089.193.584
- Khấu hao trong năm	112.033.745	16.582.569	322.740.594	451.356.908
- Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.436.910.923</b>	<b>349.113.986</b>	<b>2.754.525.583</b>	<b>11.540.550.492</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	2.958.798.505	76.306.937	1.871.422.920	4.906.528.362
Tại ngày cuối năm	2.846.764.760	59.724.368	1.547.882.326	4.454.371.454
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			6.598.949.173	VND
- Nguyên giá TSCĐ đầu năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			6.598.949.173	VND

## 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	54.000.000	54.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>54.000.000</b>	<b>54.000.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	51.300.000	51.300.000
- Khấu hao trong năm	2.700.000	2.700.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>54.000.000</b>	<b>54.000.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	2.700.000	2.700.000
Tại ngày cuối năm	-	-



## 12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/09/2024	31/12/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Thuê máy chủ hosting	-	18.000.000
- Các khoản khác	48.085.793	27.147.746
	<b>48.085.793</b>	<b>45.147.746</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Chi phí công cụ dụng cụ	426.641.414	110.580.249
	<b>426.641.414</b>	<b>110.580.249</b>

## 13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2024		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Hội chợ điện tử & TB Thông Minh SC	279.360.000	-	-	-
- Hội chợ Expo HN	105.574.000	-	-	-
- TL Chiết Giang	2.199.368.000	-	-	-
- HC Thực Phẩm SG	308.531.000	-	-	-
- TL Logistics	255.230.000	-	-	-
- Bảo vệ Sóng Thần	344.794.320	-	-	-
- SECC	1.504.829.170	-	-	-
- QC Miad	215.568.000	-	-	-
- Triển lãm Y Dược SG	297.875.000	-	38.834.600	-
- Biển quảng cáo	38.000.000	-	38.000.000	-
- Hội chợ Expo SG	-	-	24.669.960	-
- Hội chợ Ngũ Kim SG	-	-	21.856.000	-
- Hội chợ Thể Thao	2.157.120.326	-	11.914.269	-
- Khác	150.583.333	-	52.880.000	-
	<b>7.856.833.149</b>	<b>-</b>	<b>188.154.829</b>	<b>-</b>

## 14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/09/2024	31/12/2023
	VND	VND
- Khách hàng thuê Văn phòng	113.900.375	118.459.375
- Khách hàng triển lãm Mẹ và bé tại TP. Hồ Chí Minh	-	4.170.477.000
- Khách hàng HC Điện tử & TB thông minh SG	-	-
- Khách hàng hội chợ Expo SG	2.850.342.748	-
- Khách hàng hội trợ Expo tại Hà Nội	-	624.329.678
- Khách hàng hội chợ Thực phẩm tại Hà Nội	2.287.125.794	-
- Khách hàng HC Điện tử & TB thông minh HN	6.533.232.310	-
- Hội chợ Y dược Hà Nội	547.882.915	-
- Hội chợ Y dược Sài Gòn	115.827.875	559.507.853

- Khách hàng hội trợ Logistic (VILOG)	276.274.420	-
- Khách hàng hội chợ Quà tặng & Đồ gia dụng	5.267.527.750	
- Khách hàng hội chợ Thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh	272.385.020	2.651.874.547
- Khách hàng TL Chiết Giang TQ tại VN	1.726.965.405	
- Khách hàng TL Ngũ Kim SG	4.383.358.495	
- Khách hàng TL Xe đạp & Thể thao	816.731.951	
- Khách hàng Quảng Cáo	735.509.258	
- Khách hàng TL TB Máy VP	36.000.000	-
- Huayan		
- Cửu Long Trading Corp	1.219.331.232	
- Bao bì Hải Thủy Báo	438.939.648	
- Hontec	603.818.071	
- Jiangyin	868.386.232	
- Nanning	1.900.011.011	
- Ngân Long	429.876.720	
- Tam Tín	2.194.884.455	
- Guang Dong	560.828.448	
- Yizumi	765.033.595	
- Công ty Trade Media Marketing	1.736.884.973	
- Khách hàng Chan Chao		-
- Bảng QC Cây Mai		
- Khác	8.920.357.624	2.771.922.131
	<b>45.601.416.325</b>	<b>10.896.570.584</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	206.766.839	2.791.040.888	4.064.611.846	6.164.292.743	206.766.839	1.050.379.185
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		8.590.854.806	9.134.087.645	9.263.231.080		8.461.711.371
- Thuế thu nhập cá nhân		1.726.105.053	2.372.570.057	3.933.260.547		165.414.563
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất			284.559.600	284.559.600		-
- Các loại thuế khác			274.380.331	274.380.331		-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác						-
	<u>206.766.839</u>	<u>13.108.000.747</u>	<u>16.130.209.479</u>	<u>19.919.724.301</u>	<u>206.766.839</u>	<u>9.677.505.119</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/09/2024	31/12/2023
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	167.670.999	137.601.999
- Bảo hiểm xã hội		3.268.850
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	515.339.850	224.802.300
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.856.009.651	14.921.300.874
<i>Công ty Triển lãm Quốc tế Chan Chao</i>	<i>3.823.429.689</i>	<i>12.333.685.974</i>
<i>Khách hàng triển lãm Chiết Giang Trung Quốc tại Việt Nam</i>		<i>2.587.614.900</i>
<i>Các khoản khác</i>	<i>32.579.962</i>	-
	<b><u>4.539.020.500</u></b>	<b><u>15.286.974.023</u></b>

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	30/09/2024	31/12/2023
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước	-	159.016.701
	<b><u>-</u></b>	<b><u>159.016.701</u></b>

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	12.249.480.000	520.000	14.222.720.689	14.995.042.530	41.467.763.219
Lãi trong năm trước	-	-	-	37.459.084.068	37.459.084.068
Chi cổ tức	-	-	-	(7.349.688.000)	(7.349.688.000)
Trích các quỹ	-	-	3.720.864.245	(7.441.728.489)	(3.720.864.244)
Thuế TNDN truy thu	-	-	-	-	-
Giam khác	-	-	-	(149.400.000)	(149.400.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>12.249.480.000</b>	<b>520.000</b>	<b>17.943.584.934</b>	<b>37.513.310.109</b>	<b>67.706.895.043</b>
Số dư đầu năm nay	12.249.480.000	520.000	17.943.584.934	37.513.310.109	67.706.895.043
Lãi trong năm nay	-	-	-	34.604.571.484	34.604.571.484
Chi cổ tức (i)	-	-	-	(18.374.220.000)	(18.374.220.000)
Trích các quỹ (i)	-	-	14.668.545.654	(18.335.684.068)	(3.667.138.414)
Thuế TNDN truy thu	-	-	-	(672.376.274)	(672.376.274)
Giam khác	-	-	-	(749.180.000)	(749.180.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>12.249.480.000</b>	<b>520.000</b>	<b>32.612.130.588</b>	<b>33.986.421.251</b>	<b>78.848.551.839</b>

(i) Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 số 08/NO-DHDCĐ ngày 28/3/2024 của Công ty, thông qua phương án chia cổ tức và phân phối các quỹ như sau: Chia cổ tức 150% tương ứng số tiền 18.374.220.000 đồng và trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận còn lại của Công ty số tiền: 3.667.138.414 đồng.

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	12.249.480.000	12.249.480.000
- Vốn góp cuối năm	12.249.480.000	12.249.480.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	18.374.220.000	7.349.688.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	18.374.220.000	7.349.688.000

c) Cổ phiếu

	30/09/2024	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.224.948	1.224.948
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.224.948	1.224.948
- Cổ phiếu phổ thông	1.224.948	1.224.948
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.224.948	1.224.948
- Cổ phiếu phổ thông	1.224.948	1.224.948
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

d) Các quỹ của Công ty

	30/09/2024	31/12/2023
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	32.612.130.588	17.943.584.934
	<b>32.612.130.588</b>	<b>17.943.584.934</b>

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	30/09/2024	31/12/2023
- Đô la Mỹ	USD	2.883.470,49	2.003.447,09
- Euro	EUR	55.767,10	63.133,25

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	173.901.102.355	252.338.882.462
	<b>173.901.102.355</b>	<b>252.338.882.462</b>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	116.969.530.892	182.373.350.779
	<b>116.969.530.892</b>	<b>182.373.350.779</b>

## 22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	540.034.579	2.877.473.140
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.056.450.000	1.353.035.349
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	167.652.955
	<b>2.596.484.579</b>	<b>4.398.161.444</b>

## 23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	-
	<b>-</b>	<b>-</b>

## 24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân công	12.253.588.780	23.474.254.281
Chi phí đồ dùng văn phòng	264.048.736	138.856.070
Chi phí khấu hao tài sản cố định	383.367.314	600.249.588
Thuế, phí, và lệ phí	490.825.115	568.165.887
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.907.525.067	2.281.579.931
Chi phí khác bằng tiền	414.529.558	569.576.000
	<b>15.713.884.570</b>	<b>27.632.681.757</b>

## 25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Công nợ không phải trả (i)	-	-
Thu phạt hợp đồng kinh tế	-	127.150.600
Thu nhập khác	44.449.681	443.566.782
	<b>44.449.681</b>	<b>570.717.382</b>

## 26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản bị phạt hành chính	225.931.567	35.306.193
Chi phí khác	566.406.731	213.783.685
	<b>792.338.298</b>	<b>249.089.878</b>

## 27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	43.066.282.855	47.052.638.874
Các khoản điều chỉnh tăng	-	1.662.805.808
- Khấu hao ô tô vượt 1,6 tỷ	-	81.360.000
- Lỗi chênh lệch tỷ giá	-	-
- Thủ lao HĐQT, Ban kiểm soát không trực tiếp điều hành	-	1.203.000.000
- Khoản phạt và khoản khác không được trừ	-	378.445.808
Các khoản điều chỉnh giảm	(757.726.000)	(747.670.652)
- Lãi chênh lệch đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	-	(167.652.955)
- Lợi nhuận chuyển lỗ của chi nhánh	(757.726.000)	(580.017.697)
Thu nhập chịu thuế TNDN	42.308.556.855	47.967.774.030
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>8.461.711.371</b>	<b>9.593.554.806</b>

<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>8.461.711.371</b>	<b>9.593.554.806</b>
--	----------------------	----------------------

## 28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	34.604.571.484	37.459.084.068
Các khoản điều chỉnh:	-	(3.667.138.414)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(3.667.138.414)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	34.604.571.484	33.791.945.654
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.224.948	1.224.948
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>28.250</b>	<b>27.586</b>



Công ty chưa có kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu mới nên lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

## 29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí đồ dùng văn phòng	264.048.736	138.856.070
Chi phí nhân công	13.285.921.200	28.053.611.160
Chi phí khấu hao tài sản cố định	454.056.908	600.249.588
Chi phí dịch vụ mua ngoài	129.157.560.075	186.342.433.598
Chi phí khác bằng tiền	414.529.558	1.704.907.774
	<b>143.576.116.477</b>	<b>216.840.058.190</b>

## 30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp này.

## 31. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ hội chợ, triển lãm. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 19 và 20 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty

## 32. NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Khắc Luận	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Quỳnh Giang	Phó Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thu Hồng	Thành viên HĐQT kiêm tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Khải	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Đăng Khánh	Thành viên HĐQT kiêm phó tổng Giám đốc
Ông Vũ Đăng Khoa	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Mạc Thanh Tú	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Quốc Vinh	Thành viên Ban kiểm soát

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
- Ông Phạm Quỳnh Giang		515.594.250	106.159.500

- Ông Nguyễn Khắc Luận	354.875.250	84.928.500
- Bà Nguyễn Thu Hồng	315.444.800	78.635.000
- Ông Đinh Văn Khải	335.160.100	78.635.000
- Ông Trịnh Xuân Tuấn	354.875.400	70.771.500
- Ông Vũ Đăng Khoa	229.249.250	53.786.800
- Bà Huỳnh Thị Thúy Nga	182.051.100	36.306.090
- Bà Huỳnh Thị Ngọc Châu	182.051.100	36.306.090
<b>Tổng:</b>	<b>2.469.301.250</b>	<b>545.528.480</b>

- Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát năm 2022 được chi trả vào năm 2023, số tiền: 545.528.480 VND

- Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát năm 2023 được chi trả vào năm 2024, số tiền: 2.469.301.250 VND

**Tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Ông Nguyễn Khắc Luận		322.799.320	526.839.320
- Bà Nguyễn Thu Hồng		310.075.120	542.588.049
- Ông Đinh Văn Khải		243.924.080	486.937.000
- Ông Phạm Đăng Khánh		286.766.138	484.762.000
<b>Tổng</b>		<b>1.163.564.658</b>	<b>2.041.126.369</b>

- Ông Nguyễn Khắc Luận miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty ngày 03/04/2024

- Ông Đinh Văn Khải miễn nhiệm chức danh phó Tổng giám đốc Công ty ngày 03/04/2024

**Tiền thưởng của Tổng giám đốc và người quản lý khác**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ông Nguyễn Khắc Luận		300.000.000	
Bà Nguyễn Thu Hồng		85.000.000	
Ông Đinh Văn Khải		70.601.000	
Ông Phạm Đăng Khánh		74.754.000	
<b>Tổng</b>		<b>530.355.000</b>	<b>-</b>

Tiền thưởng của Ban Tổng giám đốc năm 2023 được chi trả vào năm 2024, số tiền: 530.355.000 VND

### 33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO kiểm toán.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thắm

kế toán trưởng



Nguyễn Tuyết Mai

Công ty kiểm toán  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
QUẢNG CÁO VÀ  
HỘI CHỢ  
THƯƠNG MẠI  
VINEXAD  
KIỂM TOÁN - ĐỊNH GIÁ  
HÀ NỘI



Nguyễn Thu Hồng

